

Số: 04/2025/QĐST - LĐ

TP Hải Dương, ngày 25 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Thu

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Ông Phạm Minh Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 07/2025/TLST-VDS ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc: Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 24/2025/QĐST - VDS ngày 18/4/2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu:** Chị Trương Thị H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương. (Có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Chị Trương Thị H1, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn K, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. (Có mặt).

+ Công ty TNHH N

Địa chỉ: Lô XN 2-3, KCN Đ mở rộng, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hong Soon T.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị K, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số F, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (Có mặt).

+ Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Số G đường T, phường B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (Có mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

1. Tại đơn yêu cầu và trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu chị Trương Thị H trình bày:

Chị là chị gái của chị Trương Thị H1, sinh năm 1996 (Địa chỉ: Thôn K, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương). Đầu năm 2012 khi chị đang làm công nhân ở Công ty TNHH C, số sổ bảo hiểm 3010008280 thì em gái chị là chị H1 có mượn của chị chứng minh nhân dân của chị để làm hồ sơ xin việc. Do không hiểu biết pháp luật

nên chị đã cho chị H1 mượn chứng minh nhân dân của chị để chị H1 đi làm hồ sơ xin việc. Sau đó chị H1 đã xin vào làm việc vào Công ty TNHH N có địa chỉ tại: Lô XN 2 - 3, KCN Đ mở rộng, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương và được Công ty TNHH N ký kết hợp đồng lao động, hiện nay hợp đồng lao động do thời gian đã lâu nên chị H1 đã làm mất không còn để xuất trình cho Tòa án, khi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu chị đã đến Công ty TNHH N để xin lại hợp đồng nhưng chỉ xin được giấy xác nhận công tác và Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động. Chị H1 làm việc tại Công ty TNHH N từ tháng 3 năm 2012 đến hết tháng 2 năm 2015 thì nghỉ việc. Khi làm việc tại Công ty TNHH N chị H1 đã được Công ty đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật từ tháng 4/2012 đến tháng 02/2015 đã được Cơ quan bảo hiểm xã hội làm thủ tục cấp mã số sổ bảo hiểm là 3012025438 mang tên của chị là Trương Thị H, trong khi thực tế chị không làm việc tại Công ty TNHH N thời gian nào. Đến tháng 3 năm 2015 thì chị H1 xin nghỉ việc tại Công ty TNHH N. Trong cùng một thời gian từ tháng 4/2012 đến tháng 2/2015 cùng một con người tên Trương Thị H trên hệ thống bảo hiểm xã hội thì chị H đang tham gia bảo hiểm bằng hai mã số bảo hiểm là 3010008280 và 3012025438.

Tháng 01 năm 2015 chị H làm việc tại Công ty TNHH M, chị tham gia đóng bảo hiểm thì người làm bên bộ phận bảo hiểm của Công ty có nói với chị là có hai mã số bảo hiểm, hoặc là đi hủy một mã số bảo hiểm hoặc thanh toán bảo hiểm 01 lần. Khi nghe như vậy chị đã chọn thủ tục thanh toán bảo hiểm 01 lần và tiền bảo hiểm thất nghiệp đối với số tiền bảo hiểm do Công ty TNHH N đóng mã số sổ bảo hiểm là 3012025438 mang tên của chị là Trương Thị H nhưng thực tế do chị H1 làm việc. Số tiền bảo hiểm được hưởng 01 lần và bảo hiểm thất nghiệp tại Công ty TNHH N là 21.823.137đ, số tiền này chị là người đi làm thủ tục rút cho chị H1 và đưa số tiền trên cho chị H1.

Nay chị nhận thức việc chị H1 mượn chứng minh nhân dân của chị để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH N là gian dối, vi phạm nguyên tắc trung thực khi ký kết hợp đồng lao động. Do vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương tuyên bố: Hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty TNHH N với Trương Thị H (do chị Trương Thị H1 ký) là vô hiệu và giải quyết hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu, số tiền bảo hiểm tại Công ty TNHH N chị đã làm thủ tục rút bảo hiểm xã hội một lần và đưa cho chị H1, nếu bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương yêu cầu trả lại thì chị H1 sẽ có trách nhiệm trả lại cho bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương. Chị nhất trí hoàn trả số tiền thoái thu bảo hiểm cho Công ty TNHH N theo tính toán của Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương.

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị H1 trình bày:

Chị là em gái của chị Trương Thị H. Do không hiểu biết pháp luật nên đầu năm 2012 chị có nhu cầu xin việc vào công ty để đi làm nhưng chưa đủ tuổi nên khi đó chị có mượn chứng minh thư nhân dân của chị gái là Trương Thị H, số chứng minh nhân dân 142602114 để đi làm bộ hồ sơ xin việc. Sau khi mượn được chứng minh nhân dân của chị H, chị có nộp hồ sơ xin việc mang tên chị Trương Thị H đến Công ty TNHH N có địa chỉ tại KCN Đ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Sau khi xem xét hồ sơ, Công ty TNHH N đã ký hợp đồng lao động với chị theo đúng quy định của pháp luật. Hiện nay hợp đồng lao động do thời gian đã lâu

nên chị H1 đã làm mất không còn để xuất trình cho Tòa án. Việc Công ty TNHH N ký hợp đồng với chị H1, chị cũng không nói cho Công ty biết việc chị mượn hồ sơ của chị H nên công ty không biết. Sau khi ký hợp đồng, Công ty đã tiến hành đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho chị theo tên của chị Trương Thị H theo quy định của pháp luật, đã được Cơ quan bảo hiểm xã hội làm thủ tục cấp mã số sổ bảo hiểm là 3012025438 mang tên của chị Trương Thị H. Thời gian Công ty TNHH N đóng bảo hiểm cho chị H1 là từ tháng 4 năm 2012 đến tháng 2 năm 2015. Tháng 03/2015 chị đứng tên của chị H xin nghỉ việc tại Công ty TNHH N. Đến năm 2015 khi đủ tuổi chị làm chứng minh nhân dân và lấy tên của chị xin vào làm việc tại Công ty TNHH M1 và được công ty đóng bảo hiểm có mã số bảo hiểm riêng đứng tên chị.

Sau khi chị xin nghỉ việc tại Công ty TNHH N thì đến năm 2016 chị H đã đi làm thủ tục thanh toán bảo hiểm một lần cho chị đối với số tiền bảo hiểm thời gian chị làm việc tại Công ty TNHH N được tổng số tiền là 21.823.137đ, số tiền trên chị H đã đưa lại cho chị và chị đã chi tiêu cá nhân hết.

Chị H1 xác định thời điểm chị đứng tên chị H ký hợp đồng và làm việc tại Công ty TNHH N thì chị H đang làm việc tại một công ty khác. Cho đến nay, chị nhận thấy việc mượn chứng minh thư nhân dân của chị H để làm hồ sơ đi xin việc và đứng tên chị H là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của chị H. Chị có quan điểm đối với yêu cầu giải quyết việc lao động của chị H như sau: Nhất trí với quan điểm của chị H, đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH N1 và chị Trương Thị H (do chị H1 đứng tên ký) là vô hiệu theo quy định pháp luật và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Chị nhất trí trả lại cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương số tiền hưởng bảo hiểm một lần và tiền trợ cấp thất nghiệp đã rút và cũng nhất trí hoàn trả số tiền thoái thu bảo hiểm cho Công ty TNHH N theo tính toán của Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH N trình bày:

Ngày 20/3/2012 chị có tên trong hồ sơ Trương Thị H bắt đầu ký kết hợp đồng thử việc với Công ty TNHH N 06 ngày (từ ngày 20/3/2012 tới ngày 26/3/2012). Sau khi hết thời gian thử việc, ngày 27/3/2012, Công ty có ký kết hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm với chị H (từ ngày 27/3/2012 tới ngày 26/3/2012). Kết thúc hợp đồng xác định thời hạn số 1, Công ty tiếp tục ký thêm với chị Trương Thị H hợp đồng xác định thời hạn số hợp đồng 3 – 22 – 01967/4/HĐ ngày 26/3/2014. Do thời gian đã lâu, phía công ty có quy định trong thời hạn 05 năm sẽ hủy hồ sơ, vì vậy Công ty không còn hợp đồng để giao nộp cho Tòa án.

Căn cứ vào các hợp đồng lao động mà công ty ký kết với chị H, công việc của chị H là công nhân vận hành máy may công nghiệp. Công ty Đ, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho chị H từ tháng 4/2012 đến tháng 2/2015 theo mức lương cơ bản mà công ty và người lao động đã ký kết. Đến ngày 03/3/2015 chị Trương Thị H chấm dứt Hợp đồng lao động với Công ty vì lý do cá nhân. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, phía công ty ký kết hoàn toàn tự nguyện, trung thực, công ty không biết người trực tiếp ký kết hợp đồng không phải là chị Trương Thị H, sinh năm 1991; Địa chỉ: H, N, Hải Dương mà là chị Trương Thị H1. Tại thời điểm chấm dứt

hợp đồng lao động với chị H, Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các chế độ cho chị H, không còn vướng mắc gì. Đối với yêu cầu của chị Trương Thị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật tuyên bố hợp đồng lao động giữ công ty và chị H (do chị H1 ký) là vô hiệu. Về số tiền bảo hiểm Công ty đã đóng cho người lao động lấy tên Trương Thị H từ tháng 4/2012 đến tháng 2/2015 đề nghị chị H1 là người trực tiếp được sử dụng số tiền đó phải trả lại bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương. Công ty N2 với số tiền BHXH tỉnh Hải Dương thoái thu theo tính toán của Bảo hiểm xã hội thời gian đóng trùng và hoàn trả cho công ty.

4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương trình bày:

Căn cứ vào dữ liệu quản lý của cơ quan Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh H cung cấp quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN và giải quyết chế độ BHXH một lần, trợ cấp thất nghiệp của bà Trương Thị H, sinh ngày 27/6/1991, tại hai mã số BHXH là: 3010008280 và 3012025438 cụ thể như sau:

- Số sổ 3012025438: Có quá trình tham gia từ tháng 4/2012 đến tháng 2/2015 Tại Công ty TNHH N; đã giải quyết chế độ bảo hiểm một lần tại BHXH huyện N ngày 19/4/2016; Đã giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp theo QĐ số 4861/QĐ - TBXH ngày 20/7/2015.

- Số sổ 3010008280: Có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2010 – 5/2012 tại Công ty TNHH C; đã giải quyết chế độ bảo hiểm một lần tại BHXH huyện N ngày 17/8/2013; Đã giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp theo QĐ số 3225/QĐ - TBXH ngày 30/7/2012. Từ tháng 01/2015 - 8/2023 tại Công ty TNHH H2: Hiện đang bảo lưu thời gian tham gia đóng bảo hiểm xã hội. Thời gian tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo QĐ số 14896/QĐ – TBXH ngày 13/11/2023.

Quan điểm của BHXH tỉnh Hải Dương: Đề nghị Tòa án căn cứ đúng quy định của pháp luật để giải quyết theo thẩm quyền, đồng thời yêu cầu bà Trương Thị H1 thực hiện nộp lại toàn bộ số tiền đã hưởng trợ cấp một lần, trợ cấp thất nghiệp sai đối tượng. Sau khi có kết luận của Tòa án, căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ - BNN cho người lao động, BHXH tỉnh Hải Dương sẽ thực hiện theo đúng quy định.

Tại phiên họp: Người yêu cầu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương xác định tổng số tiền bảo hiểm Công ty TNHH N đóng cho người lao động tên Trương Thị H từ tháng 4/2012 đến tháng 2/2015 là 25.927.403đ. Số tiền chị H rút bảo hiểm một lần cho chị H1 là 15.808.254 và tiền trợ cấp thất nghiệp 03 tháng là 6.014.883đ. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương xác định Thẩm phán, thư ký phiên họp, các đương sự đã tuân theo và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương: Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 149, 367, 370, 371, 372, 401, 402 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, 127, 132 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 29 Bộ luật lao động năm 1994; Điều 52 Bộ luật lao động 2012; Điều 15, 16, 50, 51 Bộ luật lao động

năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị H: Tuyên bố các hợp đồng lao động giữa người lao động tên Trương Thị H và Công ty TNHH N là vô hiệu. Hoàn trả cho Công ty TNHH N toàn bộ số tiền bảo hiểm đã đóng cho người lao động đứng tên Trương Thị H từ tháng 4/2012 đến tháng 2/2015 theo quy trình thoái thu của Bảo hiểm xã hội. Chị Trương Thị H1 phải hoàn trả lại cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương: Số tiền hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần đối với sổ bảo hiểm xã hội số 3012025438 theo QĐ số 4861/QĐ – TBXH ngày 20/7/2015 do Bảo hiểm xã hội huyện N chi trả là 15.808.254đ và số tiền trợ cấp thất nghiệp theo Quyết định số 4861/QĐ - LĐTBXH ngày 21/7/2015 tổng 03 tháng là 6.014.883đ. Tổng số tiền chị H1 phải hoàn trả lại bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương là 21.823.137đ. Về lệ phí: Buộc chị Trương Thị H phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH N có trụ sở tại Lô đất XN 2 - 3, KCN Đ mở rộng, phường T, thành phố Hải Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương theo quy định tại điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH N với chị Trương Thị H (do chị Trương Thị H1 ký) là vô hiệu:

Quá trình giải quyết việc lao động mặc dù người yêu cầu và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không xuất trình được hợp đồng lao động ký kết giữa chị H (do chị H1 ký) với Công ty TNHH N vì thời gian đã lâu, phía công ty có quy định 05 năm là hủy hợp đồng mà chỉ xuất trình cho Tòa án giấy xác nhận công tác và Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động. Tuy nhiên, căn cứ lời khai chị H, chị H1, lời khai của người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH N và cung cấp của Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương về quá trình tham gia bảo hiểm của chị Trương Thị H có cơ sở xác định Công ty TNHH N có ký kết Hợp đồng lao động với chị Trương Thị H nhưng do chị Trương Thị H1 ký và chị H1 là người trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH N. Việc chị H1 mượn hồ sơ tư pháp của chị H làm hồ sơ xin việc và đứng tên chị H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH N là giả mạo khi giao kết hợp đồng. Vì vậy yêu cầu của chị H đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động giữa người lao động tên Trương Thị H (do chị H1 ký) và Công ty TNHH N vô hiệu là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[2.2]. Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu:

Quá trình chị H1 làm việc tại Công ty TNHH N, Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị H1 (mượn tên chị H) từ tháng 4/2012 đến tháng 2/2015 theo sổ sổ

bảo hiểm là 3012025438. Căn cứ vào tài liệu ghi quá trình đóng BHXH, BHYT và quan điểm của Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương có cơ sở xác định tổng số tiền bảo hiểm Công ty TNHH N đã đóng cho chị H1 (đứng tên chị H) trong khoảng thời gian từ tháng 4/2012 đến tháng 2/2015 là 25.927.403đ. Các đương sự đều thống nhất hoàn trả số tiền thoái thu bảo hiểm xã hội trên cho Công ty TNHH N. Vì vậy cần phải hoàn trả cho Công ty TNHH N số tiền 25.927.403đ theo quy trình thoái thu của Bảo hiểm xã hội.

Sau khi chị H1 nghỉ việc tại Công ty TNHH N, chị H đã làm hồ sơ giải quyết thanh toán bảo hiểm một lần theo Quyết định số 07001/QĐ - BHXH ngày 19/4/2016 do Bảo hiểm xã hội huyện N giải quyết của sổ bảo hiểm 3012025438, số tiền được thanh toán là 15.808.254 đồng và số tiền trợ cấp thất nghiệp theo Quyết định số 4861/QĐ - LĐTBXH ngày 21/7/2015 là 03 tháng, mức trợ cấp thất nghiệp hàng tháng là 2.004.961đ, tổng tiền trợ cấp thất nghiệp là 6.014.883đ. Đối với số tiền này, chị H đã đưa cho chị H1 sử dụng toàn bộ, các bên đều thỏa thuận thống nhất chị H1 hoàn trả cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương là tự nguyện, đúng pháp luật nên được Tòa án chấp nhận

[3]. Về lệ phí: Chị Trương Thị H phải chịu lệ phí sơ thẩm việc dân sự theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 149, 367, 370, 371, 372, 401, 402 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, 127, 132 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 29 Bộ luật lao động năm 1994; Điều 52 Bộ luật lao động 2012; Điều 15, 16, 50, 51 Bộ luật lao động năm 2019; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Trương Thị H

Tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa người sử dụng lao động Công ty TNHH N với người lao động chị Trương Thị H (do chị Trương Thị H1 ký hợp đồng) là vô hiệu toàn bộ.

2. Hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu:

- Hoàn trả cho Công ty TNHH N tổng số tiền bảo hiểm đã đóng cho chị Trương Thị H1 (đứng tên Trương Thị H) từ tháng 4/2012 đến hết tháng 2/2015 là 25.927.403đ (Hai mươi lăm triệu chín trăm hai mươi bảy ngàn bốn trăm linh ba đồng) theo quy trình thoái thu của Bảo hiểm xã hội.

- Chị Trương Thị H1 phải hoàn trả lại cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương: Số tiền hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần đối với sổ bảo hiểm xã hội số 3012025438 theo Quyết định số 07001/QĐ - BHXH ngày 19/4/2016 do Bảo hiểm xã hội huyện N chi trả là 15.808.254 đồng (Mười lăm triệu tám trăm linh tám ngàn hai trăm năm mươi tư đồng) và số tiền trợ cấp thất nghiệp theo Quyết định số 4861/QĐ - LĐTBXH ngày 21/7/2015 tổng 03 tháng là 6.014.883đ. Tổng số tiền chị H1 phải hoàn trả lại bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương là 21.823.137đ (Hai mươi một triệu tám trăm hai mươi ba ngàn một trăm ba bảy đồng).

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Trương Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí việc dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tiền số 0001316 ngày

10/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm việc dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự được quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Dương;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THA dân sự TP Hải Dương;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Thị Thu